

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 TIẾNG VIỆT LỚP 4 MỚI NHẤT

ĐỀ 1

PHẦN ĐỌC (40 PHÚT)

I. Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập:

Bàn tay người nghệ sĩ

Ngay từ nhỏ, Trương Bạch đã rất yêu thiên nhiên. Lúc nhàn rỗi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật.

Lớn lên, Trương Bạch xin đi làm ở một cửa hàng đồ ngọc. Anh say mê làm việc hết mình, không bao giờ chịu dừng khi thấy những chỗ cần gia công tinh tế mà mình chưa làm được. Sự kiên nhẫn của Trương Bạch khiến người dạy nghề cũng phải kinh ngạc.

Một hôm có người mang một khối ngọc thạch đến và nhờ anh tạc cho một pho tượng Quan Âm. Trương Bạch tự nhủ sẽ gắng công tạc nên một tác phẩm tuyệt trần, mỹ mãn.

Pho tượng làm xong, quả là một tác phẩm trác tuyệt. Từ dung mạo đến dáng vẻ của Quan Âm đều toát lên sự ung dung và cực kì mỹ lệ. Điều vô cùng lí thú là pho tượng sống động đến lạ lùng, giống như một người sống vậy. Nếu đi một vòng xung quanh pho tượng, đôi mắt Quan Âm như biết nhìn theo. Hiển nhiên đây là điều không thể tưởng tượng nổi.

Sưu tầm

Dựa vào nội dung bài đọc, hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng nhất và hoàn thành tiếp các bài tập:

Câu 1: Từ nhỏ, Trương Bạch đã có niềm yêu thích, say mê gì?

A. Đất sét B. Thiên nhiên C. Đồ ngọc

Câu 2: Điều gì ở Trương Bạch khiến người dạy nghề cũng phải kinh ngạc?

A. Sự kiên nhẫn B. Sự chăm chỉ C. Sự tinh tế

Câu 3: Pho tượng Quan Âm có điều gì khiến người ta không thể tưởng tượng nổi?

- A. Từ dung mạo đến dáng vẻ của Quan Âm đều toát lên sự ung dung và cực kì mỹ lệ.
- B. Pho tượng sống động đến lạ lùng, giống như một người sống vậy.
- C. Nếu đi một vòng xung quanh pho tượng, đôi mắt Quan Âm như biết nhìn theo.
- D. Cả 3 ý trên

Câu 4: Theo em, bài đọc "Bàn tay người nghệ sĩ" thuộc chủ điểm nào đã học?

- A. Trên đôi cánh ước mơ
- B. Măng mọc thẳng
- C. Có chí thì nên

Câu 5: Gạch chân bộ phận vị ngữ trong câu sau:

Lúc nhân rồi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật.

Câu 6: Ghi lại các động từ, tính từ trong câu sau:

Cành đào nở hoa cho sắc xuân thêm rực rỡ, ngày xuân thêm tung bừng.

Các động từ:.....

Các tính từ

Câu 7: Tìm một từ trái nghĩa với từ "quyết chí"

.....

.....

II/ Đọc thành tiếng:

Giáo viên cho học sinh bốc thăm, sau đó các em sẽ đọc thành tiếng (mỗi học sinh đọc một đoạn hoặc cả bài trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4, tập 1 khoảng: 1 phút 30 giây – 1 phút 50 giây) và trả lời câu hỏi do giáo viên chọn theo nội dung được quy định sau:

Bài 1: "Đế mèn bênh vực kẻ yếu"; đọc đoạn "Từ trong hốc đá,....quang hản." (trang 15).

Bài 2: "Người ăn xin"; đọc đoạn: "Trên người tôi của ông lão." (trang 30 và 31)

Bài 3: "Đôi giày ba ta màu xanh"; đoạn: "Sau này..., nhảy tung tung." (trang 81)

- Thời gian kiểm tra:

Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập trên giấy: 30 phút.

Đọc thành tiếng: tùy theo tình hình từng lớp, giáo viên tổ chức cho các em kiểm tra và chấm ngay tại lớp.

PHẦN VIẾT (40 PHÚT)

1. Chính tả: (5 điểm) - 15 phút

Nghe - viết: Bài Thư thăm bạn (Tiếng Việt lớp 4, tập 1, trang 25, 26)

Từ: Mình tin rằng ... đếnQuách Tuấn Lương

2. Tập làm văn: (5 điểm) - 25 phút.

Đề: Tả một đồ dùng học tập mà em yêu thích.

Đáp án đề kiểm tra cuối học kì 1 môn Tiếng Việt lớp 4

PHẦN ĐỌC (40 PHÚT)

I. Đọc thầm, trả lời câu hỏi và bài tập: (5 điểm)

Điền đúng mỗi câu ghi: 0.5 điểm

Câu 1: B

Câu 2: A

Câu 3: D

Câu 4: C

Câu 5 (Lúc nhàn rồi, cậu nặn những con giống bằng đất sét trông y như thật)

Câu 6:

a) nở; cho

b) rục rĩ; tung bừng

II Đọc thành tiếng: (5 điểm)

Có thể phân ra các yêu cầu sau:

1/ Đọc đúng tiếng, đúng từ

Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng :0,5 điểm; đọc sai quá 5 tiếng: 0 điểm

2/ Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1,0 điểm

Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 2 đến 3 chỗ: 0,5 điểm

Ngắt nghỉ hơi không đúng từ 4 chỗ trở lên: không ghi điểm

3/ Giọng đọc bước đầu có biểu cảm

Giọng đọc chưa thể hiện rõ tính biểu cảm: 0,5 điểm

Giọng đọc không thể hiện rõ tính biểu cảm: không ghi điểm

4/ Tốc độ đọc: đạt tốc độ quy định

Nếu thời gian mỗi lần đọc vượt hơn so với quy định là 1 phút: ghi 0,5 điểm;

Đọc trên 1 phút: không ghi điểm.

5/ Trả lời đúng câu hỏi do giáo viên nêu: 1,0 điểm

Trả lời chưa đủ ý hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: ghi 0,5 điểm

PHẦN VIẾT (40 PHÚT)

I. Chính tả: (5 điểm)

Bài viết không mắc lỗi (hoặc chỉ mắc 1 lỗi) chính tả; chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, trình bày đúng đoạn văn: ghi 5 điểm.

Mỗi lỗi chính tả trong bài viết (sai - lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng quy định): trừ 0,5 điểm.

Nếu chữ viết không rõ ràng; sai lẫn độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bản: trừ 1 điểm cho toàn bài.

II. Tập làm văn: (5 điểm)

Bài được ghi điểm 5 phải bảo đảm các yêu cầu sau:

Viết được đoạn văn tả một đồ dùng học tập theo đề bài

Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, không mắc lỗi chính tả.

Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch sẽ.

Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết, có thể ghi một trong các mức sau: 4.5 – 4.0- 3.5 – 3.0 – 2.5 – 2.0 – 1.5 – 1.0 – 0.5.

ĐỀ 2

I - PHẦN KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

* Đọc thành tiếng: (6 điểm) GV cho HS đọc 1 đoạn bất kì trong các bài tập đọc đã học từ tuần 1 đến tuần 9 Tiếng Việt 4 tập 1, và yêu cầu HS trả lời từ 1 → 2 câu hỏi về nội dung đoạn vừa đọc (Kiểm tra trong tuần 10)

* Đọc hiểu: (4 điểm) Văn hay chữ tốt

Thuở đi học, Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù hay vẫn bị thầy cho điểm kém.

Một hôm, có bà cụ hàng xóm sang khẩn khoản:

- Gia đình già có việc oan uổng muốn kêu quan, nhờ cậu viết giúp cho lá đơn, có được không?

Cao Bá Quát vui vẻ trả lời:

- Tương việc gì khó, chứ việc ấy cháu xin sẵn lòng.

Lá đơn viết lí lẽ rõ ràng, Cao Bá Quát yên trí quan sẽ xét nỗi oan cho bà cụ. Nào ngờ, chữ ông xấu quá, quan đọc không được nên thét lính đuổi bà ra khỏi huyện đường. Về nhà, bà kể lại câu chuyện khiến Cao Bá Quát vô cùng ân hận. Ông biết dù văn hay đến đâu mà chữ không ra chữ cũng chẳng ích gì. Từ đó, ông dốc sức luyện viết chữ sao cho đẹp.

Sáng sáng, ông cầm que vạch lên cột nhà luyện chữ cho cứng cáp. Mỗi buổi tối, ông viết xong mười trang vở mới chịu đi ngủ. Chữ viết đã tiến bộ, ông lại mượn những cuốn sách chữ viết đẹp làm mẫu để luyện nhiều kiểu chữ khác nhau.

Kiên trì luyện tập suốt mấy năm, chữ ông mỗi ngày mỗi đẹp. Ông nổi danh khắp nước là người văn hay chữ tốt.

Theo TRUYỆN ĐỌC 1(1995)

2. Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng cho các câu hỏi dưới đây:

Câu 1. **Vì sao thuở đi học Cao Bá Quát thường bị điểm kém?**

- a. Vì Cao Bá Quát lười học.
- b. Vì Cao Bá Quát mãi chơi.
- c. Vì Cao Bá Quát viết chữ rất xấu.

Câu 2. **Quan thét lính đuổi bà cụ ra khỏi huyện đường vì:**

- a. Bà cụ không bị oan.
- b. Bà cụ nói năng không rõ ràng.
- c. Chữ Cao Bá Quát xấu quá quan đọc không được.

Câu 3. **Cao Bá Quát đã rút ra bài học gì sau khi nghe bà cụ kể lại sự việc?**

- a. Văn hay phải đi liền với chữ đẹp.
- b. Văn hay mà chữ không ra chữ thì chẳng ích gì.
- c. Chữ đẹp quan trọng hơn văn hay.

Câu 4. **Từ “luyện viết” thuộc từ loại gì?**

- a. Danh từ.
- b. Động từ.
- c. Tính từ.

Câu 5. **Nhóm từ nào gồm toàn các từ láy:**

- a. khẩn khoản, vui vẻ, chữ xấu.

b. vui vẻ, lí lẽ, điềm kém.

c. vui vẻ, rõ ràng, cứng cáp.

Câu 6. **Trong câu** : “*Thuở đi học, Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù hay vẫn bị thầy cho điềm kém*”. **Dùng để**:

a. Hỏi về sự việc

b. Kể lại sự việc

c. Tả lại sự việc

II - PHẦN KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

1. **Chính tả**: (5 điểm) Nghe - viết bài “*Cánh diều tuổi thơ*” (Từ đầu đến Những vì sao sớm) (Sách Tiếng Việt lớp 4 – Tập 1 – trang 146)

2. **Tập làm văn**: (5 điểm) Em hãy kể lại một câu chuyện đã nghe hoặc đã đọc về một người có nghị lực hay người tốt việc tốt.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

KIỂM TRA CUỐI KỲ I – (2013 - 2014)

I. PHẦN ĐỌC: (6 điểm)

* Đọc thành tiếng:

Giáo viên chọn các bài đã học từ tuần 10 đến tuần 16 để cho học sinh đọc. Đọc lưu loát trôi chảy, không mắc lỗi phát âm, tốc độ đạt yêu cầu, có diễn cảm cho 6 điểm. Tùy mức độ để cho điểm 5 – 4 – 3 – 2 – 1

* Đọc hiểu: (4 điểm)

- Từ câu 1 - câu 4: Đúng mỗi câu 0,5 điểm.

- Câu 5, 6 : Tìm đúng từ, đúng câu cho 1 điểm

II. PHẦN KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

1. Chính tả (*nghe - viết*): (5 điểm)

Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch, viết đúng độ cao, khoảng cách, kiểu chữ... đạt 5 điểm. GV căn cứ lỗi sai để cho điểm 4,5 - 4 - 3,5 - 3 - 2,5 - 2-1,5 - 1 - 0,5 điểm.

2. Tập làm văn: (5 điểm)

Học sinh viết được đoạn văn từ 7 câu trở lên đúng với yêu cầu của đề bài; câu văn dùng từ đúng, không sai ngữ pháp; chữ viết rõ ràng, sạch sẽ: 5 điểm.

(Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết, có thể cho các mức điểm: 4,5; 4; 3,5; 3; 2,5; 2; 1,5; 1; 0,5.)

Đáp án:

Câu 1: C

Câu 2: C

Câu 3: A

Câu 4: B

Câu 5: C

Câu 6: B

A.